CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 18/ CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM /2021

(TCCS 18:2021/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: **02513 -836601** Fax: **02513-836602**

E-mail...

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
M.S.D.N: 3600235305
T.P. BIÊN HÒA

II. Thông tin về sản phẩm

1.Tên sản phẩm: **Thực phẩm bổ sung Bánh ăn dặm Gerber Organic Puffs Vị Nam Việt Quất Cam**

2. Thành phần: Bột *lúa mì* nguyên cám hữu cơ, bột gạo hữu cơ, đường mía hữu cơ, tinh bột *lúa mì* hữu cơ, táo hữu cơ sấy khô, ít hơn 1% gồm: hương nam việt quất cam tự nhiên (chứa acid citric và acetic), chất chống oxy hóa tocopherols hỗn hợp, lecithin hướng dương.

Vitamin và khoáng chất: choline bitartrate, sắt (electrolytic), vitamin E (alpha tocopheryl acetate).

Có chứa lúa mì.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 15 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: sản phẩm đóng trong hộp nhựa (phù hợp với các quy định an toàn của Bộ Y Tế về bao gói thực phẩm). Khối lượng tịnh: 42 g

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Mỹ. Sản phẩm của GERBER PRODUCTS CO., FREMONT, MI 49413, USA
Sản xuất bởi Wyandot, Inc. 135 Wyandot Avenue, Marion, OH, United State, 43320, Mỹ.
Đóng gói bởi Peacock Foods-Geneva, 1800 Averil road, Geneva, Illinois, United State, 60134, Mỹ.

Nhập khẩu và tự công bố bởi: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam

Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(có nhãn đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

2. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục số 1.10; 2.9; 4.7; 5.7; 3.4; 6.4)

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục số 3.18; 2.18; 6.9)

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (mục số 6.5.2)

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

- Quyết định số 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

HCM, ngày 05 tháng 07 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM

TANTI ERMAWATI

Giám đốc ngành hàng dinh dưỡng trẻ nhỏ

Flexible Packaging

C-P FLEXIBLE PACKAGING • 15 GRUMBACHER ROAD, YORK, PA 17402

253.5mm SLIT WIDTH

89mm LEFT BACK | 122.75mm LAYFLAT | 40.25mm RIGHT BACK

2 mm CLEAR TOP

2 mm CLEAR BOTTOM

3.5 mm CLEAR LEFT

Gerber Puffs
122.75 mm Layflat
253.5mm Slit Width

Graphics
Manufacturing
Technical

3 mm BLEED | 3.5 mm CLEAR RIGHT

PACKAGING DESIGN SEPARATOR PROOF APPROVAL

	APPROVED	REJECTED	DATE
BRAND			
PACKAGING DESIGN			
TECHNICAL PKG			
UPC VERIFICATION			
REGULATORY			

GERBER PRODUCTS COMPANY

USDA Logo - target PMS 348 Green

3600235305 - C.T.T.N.H.H.
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
BIÊN HÒA - T ĐỒNG NAI

QUATEST 3®

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam · C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam · 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-04041ATP1/2	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	07/06/2021 Page 01/03

1. Tên mẫu / *Name of sample*: **THỰC PHẨM BỔ SUNG BÁNH ĂN DẶM GERBER ORGANIC PUFFS VỊ NAM VIỆT QUẤT CAM**

2. Mô tả mẫu / *Sample description*: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.

3. Số lượng mẫu / *Quantity*: 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving*: 27/05/2021

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration*: 28/05/2021 – 07/06/2021

6. Nơi gửi mẫu / *Customer*: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**
138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*: Xem trang / *See page* 02&03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM ***HEAD OF FOOD TESTING LAB***	**TL. GIÁM ĐỐC / *PP. DIRECTOR*** **TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/** ***HEAD OF TESTING LAB.***
Nguyễn Thành Công	**Ngô Quốc Việt**

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 · BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ · TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.2. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.3. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg *Aflatoxin B1 content*	TCVN 7596 : 2007	0,10	Không phát hiện *Not detected*
7.4. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg *Ochratoxin A content*	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2000.03))	0,3	Không phát hiện *Not detected*
7.5. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), µg/kg *Deoxynivalenol content*	QTTN/KT3 089 : 2018 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện *Not detected*
7.6. Hàm lượng zearalenone, µg/kg *Zearalenone content*	QTTN/KT3 224 : 2018 (Ref: TCVN 9591 : 2013)	5	Không phát hiện *Not detected*
7.7. Hàm lượng patulin, µg/kg *Patulin content*	AOAC 2016 (2000.02)	3,0	Không phát hiện *Not detected*
7.8. Hàm lượng fumonisin (B1 + B2), µg/kg *Fumonisin (B1 + B2) content*	QTTN/KT3 161 : 2017	25	Không phát hiện *Not detected*
7.9. Hàm lượng melamin, mg/kg *Melamine content*	QTTN/KT3 051: 2018 (Ref: TCVN 9048:2012)	0,1	Không phát hiện *Not detected*

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 – BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.10. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g *Total aerobic plate count*	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.11. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.12. *E.Coli*, MPN/g	ISO16649 – 3 : 2015	-	0
7.13. *Staphylococcus aureus*, CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.14.*Clostridium perfringens*, CFU/g	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.15. *Bacillus cereus* giả định, CFU/g *Presumtive bacillus cereus*	ISO 7932 : 2004	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.16. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g *Total yeasts & moulds*	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*

Ghi chú/ *Notes*:
(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*